

<b>VNINDEX</b> 1,048.98 <b>-0.57%</b>	<b>HNX</b> 205.85 <b>-1.15%</b>	<b>UPCOM</b> 78.11 <b>-0.79%</b>	<b>DOW JONES</b> 33,897.01 <b>-0.23%</b>	<b>NIKKEI 225</b> 28,606.76 <b>-0.18%</b>	<b>DAX</b> 15,895.20 <b>+0.08%</b>
--	------------------------------------	-------------------------------------	---	--	---------------------------------------



### Nhận định thị trường và chiến lược

**"LO LẮNG TRƯỚC ĐÁO HẠN"**

Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/04/2023, VNIndex đóng cửa giảm 6,04 điểm (-0,57%) và đóng cửa tại mức 1.048,98 điểm. Thị trường có phiên giảm điểm sau 2 phiên ghi nhận khó phục hồi. Phiên sáng thị trường chứng kiến nhiều cổ phiếu tăng điểm tích cực, tuy nhiên áp lực bán trở nên mạnh hơn vào phiên chiều. Thanh khoản VNIndex đi ngang đạt 8.600 tỷ, tăng 2% so với phiên trước đó.

Xét theo nhóm ngành, các nhóm ngành hầu hết đều giảm điểm cùng thị trường như các nhóm ngành lớn là Chứng khoán, Ngân hàng, Bất động sản, Thép, Xây dựng. Ở chiều ngược lại ghi nhận nhóm Bán lẻ vẫn giữ được sắc xanh tích cực.

Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị đạt 487 tỷ đồng, dẫn đầu bởi các mã như MSB (-400 tỷ), BMP (-43 tỷ), STB (-35 tỷ), VNM (-20 tỷ). Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng HPG (+47 tỷ), VPB (+39 tỷ), VHM (+23 tỷ), SSI (+23 tỷ).

### PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VNIndex phiên giảm điểm nhẹ xuống vùng hỗ trợ 1.050 với thanh khoản ở mức khá. Thị trường tiếp tục ghi nhận lực cầu yếu tại đây và dòng tiền chưa quay trở lại. Nhịp điều chỉnh này vẫn chưa kết thúc và thị trường có thể tiếp tục giảm xuống test vùng 1.040 và thấp hơn ở 1.020 điểm.

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Lực cầu tiếp tục ghi nhận yếu và nhịp điều chỉnh vẫn đang diễn ra. NĐT nên tiếp tục hạ tỷ trọng để đưa tài khoản về mức an toàn và hạn chế mua vào ở thời điểm hiện tại. Các mốc hỗ trợ tiếp theo có thể quan sát là ở vùng điểm số 1.040 và thấp hơn ở vùng 1.020.

### BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

· [Link](#): Báo cáo cập nhật ĐHCĐ 2023 – NT2  
 · [Link](#): Báo cáo cập nhật ĐHCĐ 2023 – VPB

### Tin tức thị trường thế giới

ECB cảnh báo về vị thế của đồng USD và Euro. Theo số liệu của ECB, khoảng 60% dự trữ ngoại hối và nợ quốc tế hiện niêm yết bằng USD. Euro đứng thứ hai với 20%. Theo Reuters, ECB cho rằng Mỹ và eurozone không nên coi vị thế quốc tế của USD đang bị một số nhà phân tích nghi ngờ trong bối cảnh tầm ảnh hưởng của Trung Quốc ngày một tăng, khối nợ của Mỹ lớn dần và phương Tây phải đối mặt với các thách thức địa chính trị trong vấn đề Ukraine, Đài Loan (Trung Quốc).

Tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực đồng euro là 6,9% vào tháng 3 năm 2023, giảm từ mức 8,5% trong tháng 2. Một năm trước đó, tỷ lệ này là 7,4%. Trong tháng 3, đóng góp cao nhất vào tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực đồng euro đến từ thực phẩm, rượu và thuốc lá (+3,12 điểm phần trăm), tiếp theo là dịch vụ (+2,10 điểm phần trăm), hàng công nghiệp phi năng lượng (+1,71 điểm phần trăm) và năng lượng (-0,05 điểm phần trăm)

- ### Tin tức nổi bật trong ngày
- ☞ Giá heo hơi hôm nay 19/4: Tăng từ 1.000 đồng/kg đến 2.000 đồng/kg
  - ☞ VTP - ĐHCĐ Viettel Post: Niêm yết HOSE chậm nhất quý I/2024, ước lãi 94 tỷ quý đầu năm
  - ☞ SCIC lên danh sách thoái vốn 73 doanh nghiệp trong năm 2023, bao gồm nhiều tên tuổi trên sàn chứng khoán
  - ☞ TDM - Nhận cổ tức từ Biwase (BWE), lãi ròng quý I Nước Thủ Dầu Một (TDM) tăng gấp 3 lần cùng kỳ
  - ☞ Bức tranh ngành dệt may quý 1 vẫn "tối màu"

### Lịch sự kiện đáng chú ý

20/04/2023: Đảo hạn HĐTL tháng 4 (VN30F2304)  
 20/04/2023: Lãi suất cho vay cơ bản của NHTW Trung Quốc

Chỉ số thị trường Việt Nam	19/04/2023	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
VNINDEX	1.048,98	-0,57%	-1,91%	-0,66%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	9.716,40	1,51%	-16,15%	-9,40%
HNX	205,85	-1,15%	-3,06%	-1,52%
HNX GTGD (Tỷ VND)	944,02	-32,46%	-44,75%	7,40%
Upcom	78,11	-0,79%	-0,89%	1,97%
Upcom GTGD (Tỷ VND)	374,54	-11,83%	-39,50%	2,84%
P/E VNindex (x)	11,75	-0,68%	-1,51%	0,08%
P/B VNindex (x)	1,66	0,00%	-1,78%	0,02%

### TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu Bluechip	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	SAB 2,77%	GVR -2,90%	NVL 2,46%	GVR -7,38%	NVL 32,88%	GAS -10,49%
2	MWG 1,38%	VPB -2,72%	PDR 1,48%	VPB -6,19%	VHM 18,87%	SAB -8,63%
3	VJC 1,11%	POW -2,22%	MSN 1,03%	BVH -6,10%	PDR 14,17%	BID -6,82%
4	MSN 0,64%	SSI -2,07%	VCB 0,34%	SSI -5,75%	KDH 9,42%	BVH -6,67%
5	VCB 0,57%	NVL -2,02%	TCB -4,61%	VPB 8,24%	PLX	-6,67%

Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	AGR 6,93%	KBC -3,95%	CTD 9,73%	LDG -13,90%	BSI 65,65%	ROS -17,43%
2	BMP 6,91%	BCG -3,75%	FMC 7,38%	DXS -10,87%	FTS 53,00%	BMI -13,33%
3	VCF 5,28%	IDI -3,66%	BSI 6,98%	HPX -8,89%	DIG 40,50%	NKG -12,01%
4	DGW 4,85%	SZC -3,58%	AGR 6,93%	HTN -8,75%	CTD 38,93%	POM -9,09%
5	BSI 3,64%	HQC -3,45%	BMP 6,74%	NBB -8,63%	AGR 35,85%	DRC -8,81%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	TTE 6,93%	HVG -12,10%	BBC 16,02%	VHG -87,78%	ADG 50,99%	FTM -55,50%
2	LIC 6,92%	VHG -7,37%	KHA 15,92%	FTM -22,61%	VMD 34,41%	HOT -35,35%
3	RHG 6,84%	FTM -6,94%	SKG 11,00%	TTE -20,65%	SGR 25,19%	RIC -32,20%
4	THI 6,38%	UDC -6,97%	THI 10,62%	UDC -18,29%	HVH 24,75%	SC5 -30,37%
5	BTT 6,37%	HRC -6,36%	SSC 9,29%	MCG -16,67%	LSS 23,92%	LAF -22,08%

### TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

	19/04/2023	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
<b>TTCK Toàn cầu</b>				
DAX	15.895,20	0,08%	1,53%	2,16%
Dow Jones	33.897,01	-0,23%	0,63%	3,35%
FTSE 100	7.898,77	-0,13%	1,45%	-0,26%
Nikkei 225	28.606,76	-0,18%	2,45%	0,57%
S&P 500	4.154,52	-0,01%	1,11%	4,07%
<b>Tỷ giá</b>				
USD/VND	23.440,00	-0,01%	-0,11%	-1,14%
USD/JPY	133,04	0,05%	1,32%	-2,08%
GBP/USD	1,25	0,00%	0,81%	4,17%
EUR/USD	1,11	0,91%	1,83%	3,74%
<b>Năng lượng</b>				
Dầu thô Brent	86,27	0,21%	1,51%	1,18%
Khí tự nhiên	2,07	-0,96%	-1,90%	-28,62%
Than	190,75	-1,98%	-0,99%	-1,17%
<b>Kim loại và vật liệu xây dựng</b>				
Thép cuộn cán nóng	1.136,00	3,74%	2,81%	-4,78%
Bạc	26,04	0,93%	4,24%	22,60%
Gỗ	387,50	0,60%	4,53%	2,87%
Vàng	2.047,08	0,36%	1,32%	10,36%
Đồng	4,08	0,00%	2,51%	0,00%
Quặng sắt	121,50	0,00%	0,00%	-5,81%
Thép	3.928,00	-1,11%	-2,58%	-6,92%
<b>Nông nghiệp</b>				
Cà phê	190,25	-0,13%	7,94%	2,67%
Đường	24,05	-1,31%	7,37%	16,92%
Cao su	134,30	0,15%	0,00%	-3,59%
Lúa mì	675,99	-0,52%	-0,88%	-4,62%
Lợn hơi	72,30	-1,03%	-2,99%	-14,89%

### BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 19/04/2023

- Độ rộng thị trường**
- Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số**
- GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)**
- GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)**
- Top 5 mã mua và bán GTGD ròng NĐT nước ngoài trong phiên**  

Mã	GTGD ròng (tỷ đồng)	KLGD (CP)
HPG	17.298	2.261.500
VPB	12.207	1.212.000
VHM	23.734	469.900
SSI	22.252	1.030.700
FRT	17.388	258.100
- Top 5 mã mua và bán GTGD ròng NĐT tự doanh trong phiên**  

Mã	GTGD ròng (tỷ đồng)	KLGD (CP)
STB	10.744	418.100
DCM	7.428	124.700
PLX	4.835	132.700
FUESSVFL	4.686	5.700
FPT	4.609	58.000

Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest

Mở tài khoản để tham gia room tư vấn của Trung tâm tư vấn Đầu tư ABS

**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**  
 Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội  
 Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151  
 Email: research@abs.vn  
 Website: [ABS.VN](http://ABS.VN)

### KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Các thông tin về nhận định mục, ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.